

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : NGÔN NGỮ NHẬT

MÃ NGÀNH : 7220209

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **NGÔN NGỮ NHẬT**
- Tên tiếng Anh: **JAPANESE LANGUAGE**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Biên phiên dịch tiếng Nhật.
- Chuyên ngành 2. Văn hóa du lịch Nhật Bản.
- Chuyên ngành 3. Kinh tế - Thương mại.
- Chuyên ngành 4. Giảng dạy Tiếng Nhật.

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Japanese Language

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật thông thạo các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết bằng tiếng Nhật, nắm vững các kiến thức về ngôn ngữ học, am hiểu văn hóa, có kỹ năng biên phiên dịch và các kỹ năng nghiệp vụ tốt, có khả năng thực hiện các nghiên cứu khoa học quy mô nhỏ, có kỹ năng tin học, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, trách nhiệm nghề nghiệp, có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc theo nhóm, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, học tập và làm việc tốt trong môi trường quốc tế, có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn. Sinh viên có thể tiếp tục theo học ở các cấp bậc cao hơn theo ngành Sư phạm Nhật ngữ, Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học so sánh hoặc các ngành gần như Văn hóa học, Châu Á học, Đông phương học...

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

- **PO1:** Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học (ngôn ngữ Nhật) và các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đặc thù của các chuyên ngành hẹp;
- **PO2:** Có kiến thức về văn hóa cũng như vận dụng vào các tình huống giao tiếp, giảng dạy hoặc dịch thuật;

- **PO3:** Sử dụng tiếng Nhật lưu loát trong các tình huống giao tiếp hằng ngày, trong công việc cũng như giao tiếp quốc tế;
- **PO4:** Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng và mang tính quốc tế hóa;
- **PO5:** Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành, có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;
- **PO6:** Có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn;
- **PO7:** Có sức khỏe tốt, phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và có lòng yêu nước.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-UEF ngày / /2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2020.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 131 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	15	11,5 %
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	36	27,5 %
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	35	26,7 %
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	29	22,1 %
1.4.1	Khoa học xã hội	6	
1.4.2	Khoa học chính trị	11	
1.4.3	Pháp luật	3	
1.4.4	Tin học	3	
1.4.5	Thiết kế dự án	6	
1.5	Kiến thức đại cương khác	16	12,2 %
1.5.1	Ngoại ngữ 2 (tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Pháp)	16	
1.5.2	Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy		
1.5.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		131	100,0 %

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập–TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				15						
1.1.1	JPN1107	Nhập môn ngôn ngữ Nhật	Introduction to Japanese Language	3	3					
1.1.2	JPN1109	Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 1	Japanese Grammar- Writing 1	3	3					
1.1.3	JPN1110	Tiếng Nhật: Đọc 1	Japanese Reading 1	3	3					
1.1.4	JPN1111	Tiếng Nhật: Nghe 1	Japanese Listening 1	3	3					
1.1.5	JPN1112	Tiếng Nhật: Nói 1	Japanese Speaking 1	3	3					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				36						
1.2.1	JPN1113	Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 2	Japanese Grammar- Writing 2	3	3					
1.2.2	JPN1114	Tiếng Nhật: Đọc 2	Japanese Reading 2	3	3					
1.2.3	JPN1115	Tiếng Nhật: Nghe 2	Japanese Listening 2	3	3					
1.2.4	JPN1116J	Tiếng Nhật: Nói 2	Japanese: Speaking 2	3	3					
1.2.5	JPN1117	Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 3	Japanese Grammar- Writing 3	3	3					
1.2.6	JPN1118	Tiếng Nhật: Đọc 3	Japanese Reading 3	3	3					
1.2.7	JPN1119	Tiếng Nhật: Nghe 3	Japanese Listening 3	3	3					
1.2.8	JPN1120J	Tiếng Nhật: Nói 3	Japanese Speaking 3	3	3					
1.2.9	JPN1121	Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 4	Japanese Grammar- Writing 4	3	3					
1.2.10	JPN1122	Tiếng Nhật: Đọc 4	Japanese Reading 4	3	3					
1.2.11	JPN1123	Tiếng Nhật: Nghe 4	Japanese Listening 4	3	3					
1.2.12	JPN1124J	Tiếng Nhật: Nói 4	Japanese Speaking 4	3	3					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				35						
1.3.1	JPN1125J	Tiếng Nhật: Viết nâng cao	Advanced Japanese Writing	3	3					
1.3.2	JPN1126J	Tiếng Nhật: Đọc nâng cao	Advanced Japanese Reading	3	3					
1.3.3	JPN1127J	Tiếng Nhật: Nghe nâng cao	Advanced Japanese Listening	3	3					
1.3.4	JPN1128J	Tiếng Nhật: Nói nâng cao	Advanced Japanese Speaking	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập–TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.5	JPN1141J	Quan hệ Việt-Nhật	Vietnam-Japan Relations	2	2					
1.3.6	JPN1142	Lịch sử Nhật Bản	History of Japan	3	3					
1.3.7	JPN1148	Tiếng Nhật trong đời sống	Japanese for daily life	3	3					
1.3.8	JPN1343	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3				3		
<i>Sinh viên chọn 1 trong 4 chuyên ngành sau hoặc Khóa luận tốt nghiệp</i>										
Chuyên ngành 1.		Biên phiên dịch tiếng Nhật	Japanese for Translation and Interpretation							
1.3.8	JPN1129J	Văn hóa kinh doanh Nhật Bản	Japanese Business Culture	3	3					
1.3.9	JPN1130J	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Nhật	Theory of Translation and Interpretation in Japanese	3	3					
1.3.10	JPN1131J	Kỹ thuật biên phiên dịch tiếng Nhật	Translation and Interpreting Methods in Japanese	3	3					
1.3.11	JPN1145J	Dịch văn bản tiếng Nhật	Translate text in Japanese	3	3					
1.3.12	JPN1444	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
Chuyên ngành 2.		Văn hóa du lịch Nhật Bản	Japanese Tourism and Travel culture							
1.3.8	JPN1129J	Văn hóa kinh doanh Nhật Bản	Japanese Business Culture	3	3					
1.3.9	JPN1146J	Địa lý du lịch Nhật Bản	Japanese for Tourism Geography	3	3					
1.3.10	JPN1147J	Tiếng Nhật du lịch ứng dụng	Practical travel Japanese	3	3					
1.3.11	JPN1132J	Kỹ năng hướng dẫn du lịch bằng tiếng Nhật	Tourist guide skills in Japanese	3	3					
1.3.12	JPN1444	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
Chuyên ngành 3.		Kinh tế - Thương mại	Japanese for Economics and Commerce							
1.3.8	JPN1129J	Văn hóa kinh doanh Nhật Bản	Japanese Business Culture	3	3					
1.3.9	BUS1107J	Nghiệp vụ ngoại thương	Foreign Trade Operation	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập–TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.10	JPN1133J	Đàm thoại thương mại bằng tiếng Nhật	Japanese for Business Communication	3	3					
1.3.11	JPN1134J	Kỹ năng viết Email bằng tiếng Nhật	Japanese for Email Writing	3	3					
1.3.12	JPN1444	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
Chuyên ngành 4.		Giảng dạy Tiếng Nhật		Japanese for Language Teaching						
1.3.8	JPN1129J	Văn hóa kinh doanh Nhật Bản	Japanese Business Culture	3	3					
1.3.9	JPN1135J	Lý luận dạy học	Theory of Japanese Language Teaching	3	3					
1.3.10	JPN1136J	Phương pháp dạy tiếng Nhật	Japanese Teaching Methodology	3	3					
1.3.11	JPN1237J	Thực hành giảng dạy tiếng Nhật	Japanese Teaching Practice	3	3					
1.3.12	JPN1444	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				29						
1.4.1 Khoa học xã hội				6						
1.4.1.1	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnam Cultural Establishments	3	3					
1.4.1.2	SOC1101	Xã hội học	Sociology	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	POL1111	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2					
1.4.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập–TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.3 Pháp luật				3						
1.4.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Basics of Law	3	3					
1.4.4 Tin học				3						
1.4.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	Introduction to Computer Basics	3	2	1				
1.4.5 Thiết kế dự án				6						
1.4.5.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	3	3					
1.4.5.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	3	3			SKI1107		
1.5 Kiến thức đại cương khác				19						
1.5.1 Ngoại ngữ 2 <i>(Sinh viên chọn 1 trong 03 nhóm sau)</i>				16						
	Nhóm 1: Tiếng Anh									
1.5.1.1.1	ENG2101	Tiếng Anh 1	English 1	4	4					
1.5.1.1.2	ENG2102	Tiếng Anh 2	English 2	4	4					
1.5.1.1.3	ENG2103	Tiếng Anh 3	English 3	4	4					
1.5.1.1.4	ENG2104	Tiếng Anh 4	English 4	4	4					
	Nhóm 2: Tiếng Hàn									
1.5.1.2.1	KOR1136	Tiếng Hàn 1	Korean 1	4	4					
1.5.1.2.2	KOR1137	Tiếng Hàn 2	Korean 2	4	4			KOR1136		
1.5.1.2.3	KOR1138	Tiếng Hàn 3	Korean 3	4	4			KOR1137		
1.5.1.2.4	KOR1139	Tiếng Hàn 4	Korean 4	4	4			KOR1138		
	Nhóm 3: Tiếng Pháp									
1.5.1.3.1	FRA2101	Tiếng Pháp 1	French 1	4	4					
1.5.1.3.2	FRA2102	Tiếng Pháp 2	French 2	4	4			FRA2101		
1.5.1.3.3	FRA2103	Tiếng Pháp 3	French 3	4	4			FRA2102		
1.5.1.3.4	FRA2104	Tiếng Pháp 4	French 4	4	4			FRA2103		
1.5.2. Giáo dục thể chất <i>(sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)</i>										
	Nhóm 1									
1.5.2.1.1	GYM1311	GDTC-Aerobic 1	Physical Education 1 (Aerobic)	1		1				
1.5.2.1.2	GYM1312	GDTC-Aerobic 2	Physical Education 2 (Aerobic)	1		1				

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập–TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.5.2.1.3	GYM1313	GDTC-Aerobic 3	Physical Education 3 (Aerobic)	1		1				
		<i>Nhóm 2</i>								
1.5.2.2.1	GYM1321	GDTC-Vovinam 1	Physical Education 1 (Vovinam)	1		1				
1.5.2.2.2	GYM1322	GDTC-Vovinam 2	Physical Education 2 (Vovinam)	1		1				
1.5.2.2.3	GYM1323	GDTC-Vovinam 3	Physical Education 3 (Vovinam)	1		1				
		<i>Nhóm 3</i>								
1.5.2.3.1	GYM1331	GDTC-Boxing 1	Physical Education 1 (Boxing)	1		1				
1.5.2.3.2	GYM1332	GDTC-Boxing 2	Physical Education 2 (Boxing)	1		1				
1.5.2.3.3	GYM1333	GDTC-Boxing 3	Physical Education 3 (Boxing)	1		1				
		<i>Nhóm 4</i>								
1.5.2.4.1	GYM1341	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 (Body-building)	1		1				
1.5.2.4.2	GYM1342	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 (Body-building)	1		1				
1.5.2.4.3	GYM1343	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 (Body-building)	1		1				
1.6.3 Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)										
1.5.3.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education							

Ghi chú: Mã MH ký hiệu **xxxxxxJ** – môn giảng dạy bằng tiếng Nhật.

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

Phân bố kế hoạch giảng dạy chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật (xem trang cuối cùng)

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

Nhập môn ngôn ngữ Nhật: 03 tín chỉ

Học phần Nhập môn ngôn ngữ Nhật được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên kiến thức tiếng Nhật cơ bản sơ cấp, cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng, lý thuyết và thực hành về tiếng Nhật sơ cấp, có thể sử dụng chức năng cơ bản của một số loại danh từ, động từ, tính từ để viết được câu tiếng Nhật ngắn, đơn giản.

Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 1: 03 tín chỉ

Học phần Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 1 được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè...)

Tiếng Nhật: Đọc 1: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Đọc 1 gồm những bài Đọc sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương ứng với nội dung trình độ cơ bản; vì vậy, SV có thể hiểu và vận dụng từ vựng, ngữ pháp vào việc Đọc hiểu, dịch các bài khóa về những kiến thức cụ thể trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các bài khóa hướng đến cho sv kỹ năng trả lời câu hỏi; chọn câu trả lời đúng– sai, xác định câu chủ đề...

Tiếng Nhật: Nghe 1: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nghe 1 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản.

Tiếng Nhật: Nói 1: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nói 1 nhằm cung cấp cho sinh viên những mẫu câu mô tả số lượng, mục đích di chuyển, liệt kê tính chất và hành động.

Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 2: 03 tín chỉ

Học phần Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 2 được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè...)

Tiếng Nhật: Đọc 2: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Đọc 2 gồm những bài Đọc sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương ứng với nội dung trình độ cơ bản; vì vậy, SV có thể hiểu và vận dụng từ vựng, ngữ pháp vào việc Đọc hiểu, dịch các bài khóa về những kiến thức cụ thể trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các bài khóa hướng đến cho sv kỹ năng trả lời câu hỏi; chọn câu trả lời đúng– sai, xác định câu chủ đề...

Tiếng Nhật: Nghe 2: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nghe 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản.

Tiếng Nhật: Nói 2: 03 tín chỉ

Học phần Tiếng Nhật: Nói 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những mẫu câu mô tả số lượng, mục đích di chuyển, liệt kê tính chất và hành động

Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 3: 03 tín chỉ

Học phần Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 3 được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè...).

Tiếng Nhật: Đọc 3: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Đọc 3 gồm những bài Đọc sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương ứng với nội dung trình độ cơ bản; vì vậy, SV có thể hiểu và vận dụng từ vựng, ngữ pháp vào việc Đọc hiểu, dịch các bài khóa về những kiến thức cụ thể trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các bài khóa hướng đến cho sv kỹ năng trả lời câu hỏi; chọn câu trả lời đúng– sai, xác định câu chủ đề...

Tiếng Nhật: Nghe 3: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nghe 3 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản.

Tiếng Nhật: Nói 3: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nói 3 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản.

Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 4: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Ngữ pháp-Viết 4 được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè...)

Tiếng Nhật: Đọc 4: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Đọc 4 gồm những bài Đọc sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương ứng với nội dung trình độ cơ bản; vì vậy, SV có thể hiểu và vận dụng từ vựng, ngữ pháp vào việc Đọc hiểu, dịch các bài khóa về những kiến thức cụ thể trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các bài khóa hướng đến cho sv kỹ năng trả lời câu hỏi; chọn câu trả lời đúng– sai, xác định câu chủ đề...

Tiếng Nhật: Nghe 4: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nghe 4 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp cơ bản.

Tiếng Nhật: Nói 4: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nói 4 nhằm cung cấp cho sinh viên những mẫu câu tường thuật, giải thích ý nghĩa, mệnh đề điều kiện trong tiếng Nhật, câu bị động. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp cơ bản ở trình độ sơ cấp 2.

Tiếng Nhật: Viết nâng cao: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Viết nâng cao được thiết kế nhằm rèn luyện kỹ năng viết cho đối tượng sinh viên học tiếng Nhật ở trình độ đầu trung cấp. Môn học được thiết kế bao gồm hai phần chính: ngữ pháp trung cấp và luyện viết câu bằng tiếng Nhật theo nhiều cấu trúc ngữ pháp trung cấp, giải bài tập ngữ pháp năng lực trình độ N3.

Tiếng Nhật: Đọc nâng cao: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Đọc nâng cao gồm những bài Đọc sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương ứng với nội dung của môn Đọc nâng cao; vì vậy, SV có thể hiểu và vận dụng từ vựng, ngữ pháp vào việc Đọc hiểu, dịch các bài khóa về những kiến thức cụ thể trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các bài khóa hướng đến cho sv kỹ năng trả lời câu hỏi; chọn câu trả lời đúng – sai, xác định câu chủ đề...

Tiếng Nhật: Nghe nâng cao: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nghe nâng cao gồm những bài Nghe sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương ứng với nội dung của môn Nghe nâng cao. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp.

Tiếng Nhật: Nói nâng cao: 03 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật: Nói nâng cao gồm những bài Nói sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương ứng với nội dung của môn Nói nâng cao Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp.

Quan hệ Việt-Nhật: 02 tín chỉ.

Việt Nam và Nhật Bản có những tương đồng về mặt lịch sử, do đó, nghiên cứu môn học Quan hệ Việt-Nhật sẽ giúp cho chúng ta bổ sung thêm kiến thức cũng như những bài học bổ ích cho công cuộc đổi mới, hiện đại hoá đất nước về mọi mặt đang mở ra như hiện nay. Hiểu được mối bang giao hữu nghị giữa 2 nước và các chính sách thúc đẩy quan hệ 2 nước đạt tầm chiến lược như hiện nay và ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai.

Lịch sử Nhật bản: 03 tín chỉ.

Học phần Lịch sử Nhật bản giới thiệu về đất nước và con người Nhật Bản, thông qua các giai đoạn lịch sử cơ bản: cổ - trung đại, cận đại và hiện đại. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, môn học đi sâu vào phân tích các nội dung: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, đối ngoại... Đặc biệt, với cải cách Minh Trị - Duy Tân, Nhật Bản tạo những tiền đề cơ bản cho sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Mặt khác, Nhật Bản đã thực hiện con đường quân phiệt hoá trong chiến tranh thế giới thứ II. Cuối cùng, Nhật Bản đầu hàng đồng minh. Tuy nhiên, sau đó Nhật Bản đã tạo ra một sự phát triển vượt bậc, trở thành một cường quốc kinh tế và một cực quan trọng trong trật tự thế giới hiện đại. ,Việt Nam và Nhật Bản có những tương đồng về mặt lịch sử, do đó, nghiên cứu môn học này sẽ giúp cho chúng ta bổ sung thêm kiến thức cũng như những bài học bổ ích cho công cuộc đổi mới, hiện đại hoá đất nước về mọi mặt đang mở ra như hiện nay.

Tiếng Nhật trong đời sống: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Nhật trong đời sống cung cấp cho người học những tình huống thực tế đa dạng trong đời sống hằng ngày mà người Nhật thường sử dụng. Bên cạnh các môn học tiếng Nhật nhập môn, cơ bản, tiếng Nhật thương mại... Tiếng Nhật trong đời sống sẽ giúp người học nghe, nói và sử dụng thông thạo khẩu ngữ.

Thực tập tốt nghiệp: 03 tín chỉ

Học phần Thực tập tốt nghiệp được thực hiện nhằm mục đích giúp sinh viên thâm nhập vào môi trường thực tế để nâng cao nhận thức vai trò và trách nhiệm đối với ngành nghề mình đang theo đuổi; tiếp cận và làm quen với các công việc liên quan đến chuyên môn tiếng Nhật mình đang theo đuổi. Nội dung công việc trong thời gian thực tập mà sinh viên phải thực hiện như tham gia các công việc mà đơn vị thực tập phân công, tìm hiểu cơ quan, đơn vị cùng với những hoạt động liên quan đến chuyên ngành, biết cách tổ chức công việc cá nhân và theo nhóm.

Khóa luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề tài tốt nghiệp.

Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên:

- Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định;
- Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography);
- Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu.
- Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

Văn hóa kinh doanh Nhật bản: 03 tín chỉ.

Học phần Văn hóa kinh doanh Nhật bản cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên để thực hiện Sử dụng được kiến thức đã học trên lớp và kiến thức có được qua tra cứu để thực hiện thuyết trình hoặc làm tiểu luận về văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản.

Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản cung cấp kiến thức, kinh nghiệm làm việc tại doanh nghiệp Nhật Bản cho SV ngành ngành Nhật Bản. Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản cũng sẽ gợi mở nhiều đề tài về ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản để SV bước đầu tìm hiểu và làm quen với phương pháp học đại học, phương pháp viết tiểu luận..

Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Nhật: 03 tín chỉ.

Học phần Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Nhật gồm những bài Đọc sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương ứng với nội dung của môn Đọc nâng cao; vì vậy, SV có thể hiểu và vận dụng từ vựng, ngữ pháp vào việc Đọc hiểu, dịch các bài khóa về những kiến thức cụ thể trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các bài khóa hướng đến cho sv kỹ năng trả lời câu hỏi; chọn câu trả lời đúng – sai, xác định câu chủ đề... Học phần luyện dịch nói dành cho đối tượng sinh viên có trình độ tiếng Nhật sơ trung cấp trở lên. Học phần được thiết kế dựa trên nhiều nguồn tài liệu tham khảo đa dạng với cấp độ bài luyện dịch đi từ dễ đến khó, với nội dung đa dạng bao gồm những chủ đề đời sống thường nhật, xã hội, kinh tế, du lịch v.v....

Kỹ thuật biên phiên dịch tiếng Nhật: 03 tín chỉ.

Học phần Kỹ thuật biên phiên dịch tiếng Nhật là môn luyện dịch nói dành cho đối tượng sinh viên có trình độ tiếng Nhật sơ trung cấp và trung cấp. Môn học được thiết kế dựa trên nhiều nguồn tài liệu tham khảo đa dạng, cấp độ bài luyện dịch đi từ dễ đến khó, với nội dung đa dạng bao gồm những chủ đề đời sống thường nhật, xã hội, kinh tế, du lịch v.v.... Dịch nói từ tiếng Nhật sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang Nhật và được phân chia thành hai phần: Luyện dịch câu theo trình độ cấu trúc ngữ pháp đi từ dễ đến khó, đơn giản đến phức tạp; Luyện dịch đoạn văn nói trên radio hay video clip.

Dịch văn bản tiếng Nhật: 3 tín chỉ.

Học phần Dịch văn bản tiếng Nhật chủ yếu cung cấp cho sinh viên kỹ thuật biên dịch và trình bày các loại văn bản cơ bản bằng tiếng Nhật. Nội dung chính của học phần bao gồm lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm giới thiệu các loại văn bản, quy cách trình bày. Phần thực hành: Thực hành biên dịch các văn bản điển hình như: Thư ngỏ, thư mời, giấy tiễn cử, thư cảm ơn, các nội dung thông báo (trong công ty), thông tin tuyển dụng, thông cáo báo chí, v.v.. từ cấp độ dễ đến khó.

Địa lý du lịch Nhật Bản: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về những đặc điểm địa lý và dân cư ở Nhật Bản nói chung và từng khu vực địa lý nói riêng thông qua những các chủ đề đa dạng như: vị trí địa lý, địa hình (đồi núi, sông ngòi, biển đảo, đồng bằng), khí hậu, lễ hội vùng miền, các vấn đề du lịch Nhật Bản, v.v... Trong quá trình học, sinh viên học được các kỹ năng như: kỹ năng đọc – hiểu các loại bản đồ, kỹ năng thuyết trình về các khu vực – vùng du lịch ở Nhật Bản, v.v...

Tiếng Nhật du lịch ứng dụng: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiếng Nhật du lịch và ứng dụng vào các hoạt động giao tiếp, ứng xử, tình huống giao tiếp cụ thể trong du lịch. Nội dung chính của học phần bao gồm tiếng Nhật du lịch ứng dụng trong các lĩnh vực như: nhà hàng, khách sạn, tuyến điểm du lịch, loại hình du lịch, du lịch lễ hội, v.v... Trong quá trình học, sinh viên học được các kỹ năng ứng dụng như: xây dựng các kế hoạch du lịch cho đối tượng là người Nhật, kỹ năng giao tiếp với khách du lịch ở các tình huống cụ thể, v.v...

Kỹ thuật hướng dẫn du lịch bằng tiếng Nhật: 3 tín chỉ.

Học phần Kỹ thuật hướng dẫn du lịch bằng tiếng Nhật giúp sinh viên tiếp cận, làm quen với công việc thiết kế lịch trình và hướng dẫn du lịch bằng tiếng Nhật như lên lịch trình, đón tiếp khách, hướng dẫn ở nhà hàng và khách sạn, hướng dẫn nhận phòng và trả phòng khách sạn, hướng dẫn tại khu du lịch, thay đổi lịch trình du lịch, tìm hiểu tâm lý du lịch của người Nhật, v.v... Thông qua quá trình tìm hiểu khối kiến thức liên quan đến tác phong và nghiệp vụ của một hướng dẫn viên du lịch tiếng Nhật, hiểu về tâm lý du lịch của khách Nhật Bản

sinh viên sẽ được thực hành bằng cách đưa ra các tình huống giao tiếp trong du lịch và vận dụng những kiến thức này vào thực tế hướng dẫn du lịch một cách thuần thục. Bên cạnh đó, sinh viên được ôn tập lại kiến thức ngữ pháp và biểu hiện trong tiếng Nhật đồng thời có cơ hội tiếp xúc với hệ thống thuật ngữ cơ bản chuyên ngành du lịch, luyện kỹ năng nghe - nói - phát âm tốt và phương pháp đàm thoại cơ bản như người bản xứ.

Nghiệp vụ ngoại thương: 03 tín chỉ.

Học phần Nghiệp vụ ngoại thương nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các kiến thức về việc trao đổi và giao dịch với đối tác là công ty, khách hàng bằng tiếng Nhật, nội dung môn học được thiết kế dựa trên những chủ đề trao đổi hay giao dịch trong nội bộ hay bên ngoài công ty, xí nghiệp. Cụ thể như giới thiệu mặt hàng với khách hàng, xin lịch hẹn làm việc hay xin xác nhận lịch đến làm việc với công ty đối tác, báo cáo nội dung làm việc v.v...).

Đàm thoại thương mại bằng tiếng Nhật: 03 tín chỉ

Học phần Đàm thoại thương mại bằng tiếng Nhật cung cấp kiến thức, kinh nghiệm làm việc tại doanh nghiệp Nhật Bản cho SV ngành ngành Nhật Bản thông qua các tình huống giao tiếp thực tế trong văn phòng, giao dịch giữa các đối tác....

Kỹ năng viết Email bằng tiếng Nhật: 03 tín chỉ.

Học phần Kỹ năng viết Email bằng tiếng Nhật nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các kiến thức về việc trao đổi và giao dịch với đối tác là công ty, khách hàng bằng tiếng Nhật thông qua thư tín thương mại hay thư tín thương mại điện tử, nội dung môn học được thiết kế dựa trên những chủ đề trao đổi thư tín hay giao dịch bằng e-mail trong nội bộ hay bên ngoài công ty, xí nghiệp. Cụ thể như giới thiệu mặt hàng với khách hàng, xin lịch hẹn làm việc hay xin xác nhận lịch đến làm việc với công ty đối tác, báo cáo nội dung làm việc v.v...).

Lý luận dạy học: 03 tín chỉ

Học phần Lý luận dạy học trang bị cho sinh viên các kiến thức về lý luận giảng dạy tiếng Nhật thông qua các bài học cụ thể nhưng các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, phương pháp kiểm tra đánh giá. Học phần này còn giúp sinh viên nắm được cách xây dựng bài giảng ứng với các đối tượng học đa dạng, cách chọn lựa giáo trình và phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiệu quả.

Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật: 03 tín chỉ

Học phần Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật trang bị cho sinh viên các kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Nhật thông qua các bài học cụ thể. Nội dung học phần được xây dựng dựa trên các nội dung giảng dạy tiếng Nhật như: giảng dạy từ vựng, giảng dạy ngữ pháp, giảng dạy kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Thực hành giảng dạy tiếng Nhật: 03 tín chỉ

Học phần Thực hành giảng dạy tiếng Nhật trang bị cho sinh viên các kiến thức và thực hành các tổ chức lớp học tiếng Nhật theo từng kỹ năng cụ thể như: nghe, nói, đọc, viết cũng như các nội dung trong giảng dạy tiếng Nhật như: từ vựng, ngữ pháp... ở các lĩnh vực kinh tế - thương mại, du lịch, văn hóa, v.v...

Tiếng Anh 1: 04 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn

chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè,...), giao tiếp học thuật và công sở.

Tiếng Anh 2: 04 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần GEP 1. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc như các vấn đề liên quan đến cá nhân, đưa ra yêu cầu, đặt và mua hàng, nói chuyện trên điện thoại, thể hiện sự quan tâm đến nội dung cuộc đàm thoại.

Tiếng Anh 3: 04 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc và tương đối phức tạp trong giao tiếp hàng ngày như nghe và chia sẻ các vấn đề của người khác, khiếu nại, xin lỗi và thể hiện sự đồng cảm.

Tiếng Anh 4: 04 tín chỉ

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

Tiếng Hàn 1: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản về tiếng Hàn. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản (chào hỏi, giới thiệu); Bài học phần 1: Đọc và viết được bảng chữ cái Kanata; Xung hô các ngôi trong giao tiếp; Giới thiệu bản thân; Hỏi thông tin cơ bản (tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp). Thời gian học chủ yếu là luyện nói, nghe và hoạt động hội thoại nhóm. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, để có thêm thời gian cho sinh viên thực tập hội thoại.

Tiếng Hàn 2: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản, thuộc từ vựng và mẫu câu thông dụng. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản (mô tả thời gian, các hoạt động đơn giản trong cuộc sống). Bài học phần 2: Sử dụng đúng các trợ từ đã học; Nắm bắt và vận dụng được cách nói thời gian, phương tiện, nơi chốn; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản.

Tiếng Hàn 3: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu đã học theo nhiều đề tài, phân biệt và nhận diện được hệ thống chữ Kanata trong tiếng Hàn. Bài học phần 3: Sử dụng đúng các tính từ mô tả màu sắc, tính chất sự vật, miêu tả sở thích; Nhớ và vận dụng được các hậu tố đếm cái, người, tầng; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (hỏi lý do, trả lời lý do); Giới thiệu sở thích và thói quen cá nhân. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, chủ yếu xoay quanh hoạt động cá nhân, trường lớp, gia đình trong các tình huống giao tiếp tương đối phức tạp.

Tiếng Hàn 4: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu và cách chia thể của động từ, phân biệt và nhận diện được hệ thống chữ Kanata trong tiếng Hàn, Hiểu và ứng dụng được ngữ pháp đã học trong giáo tiếp cơ bản. Bài học phần 4: Diễn đạt được ý muốn, mục đích, gợi ý giúp đỡ, mệnh lệnh yêu cầu, xin phép; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (về ý muốn, mục đích); Biết sử dụng câu tiếp diễn, yêu cầu, đề nghị. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, chủ yếu xoay quanh hoạt động cá nhân, trường lớp, gia đình, giao tiếp xã hội và trong công việc ở mức độ khá phức tạp.

Tiếng Pháp 1: 04 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp Nhật ngữ ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân.

Tiếng Pháp 2: 04 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp Nhật ngữ ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần Tiếng Pháp 1.

Tiếng Pháp 3: 04 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiên trung cấp.

Tiếng Pháp 4: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Pháp, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 03 tín chỉ.

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam, cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Môn học xác định các vùng, các đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, sự phát triển, tiếp biến văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Môn học trang bị kiến thức nền tảng nhằm giúp người học lý giải các hiện tượng xã hội từ góc độ văn hóa, đảm bảo phong văn hóa cho cử nhân Ngôn ngữ Nhật khi tổ chức các hoạt động nghề nghiệp.

Xã hội học: 03 tín chỉ.

Học phần xã hội học đại cương trình bày những nội dung cơ bản của Xã hội học: đối tượng nghiên cứu, hệ thống khái niệm, những vấn đề cơ bản của Xã hội học; Một số nhà xã hội học kinh điển và hiện đại với những quan điểm lý thuyết của họ đóng góp vào sự phát triển của Xã hội học; Giới thiệu hướng tiếp cận lý thuyết của Xã hội học; Phương pháp nghiên cứu xã hội và phương pháp nghiên cứu xã hội học.

Triết học Mác-Lênin: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác –Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật thể vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Kinh tế chính trị Mác–Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, các học thuyết kinh tế; Hiểu được và biết vận dụng vào trong quá trình phân tích, xử lý, đánh giá hệ thống vấn đề khoa học lý thuyết và khoa học thực tiễn trong từng chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo hệ thống quan điểm khoa học, theo tính chất, bản chất của từng hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tư vấn trong cuộc sống xã hội. Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1- bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin, cụ thể các vấn đề như: Nhậtg hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình phát triển của Việt Nam.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: 02 tín chỉ

Nội dung học phần gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKKH.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết Bản tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về Bản phòng toàn dân, về phát triển kinh tế và văn hóa, về đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng và quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (CSVN): 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến Nhật công cuộc đổi mới (1975-2018)..

Pháp luật đại cương: 03 tín chỉ

Học phần Lý luận về Nhà nước nghiên cứu hiện tượng Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Max- Lenine. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về Nhà nước: nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng của nhà nước. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

Tin học đại cương: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin
- Khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều Nhật quản lý: tập tin, thư mục, ổ đĩa, ...
- Tiện ích trên Internet: web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, ...
- Sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng.
- Ứng dụng soạn thảo văn bản.
- Ứng dụng bảng tính.
- Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình diễn.

Thiết kế dự án 1: 03 tín chỉ

Học phần Thiết kế dự án I đóng vai trò quan trọng (như mục tiêu nêu trên) trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn Bản tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận Nhật] trong giáo dục đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về kỹ năng của thị trường lao động.

Thiết kế dự án 2: 03 tín chỉ

Với quan niệm “Người học là trung tâm”, môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8) Khảo sát như câu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hoá giải pháp. Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp.

Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và lô-gic cao.

Giáo dục thể chất 1, 2, 3: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam.

Giáo dục quốc phòng – an ninh: 165 tiết (05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020)

Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối Bản phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền Bản phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác Bản phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối Bản phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác Bản phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.